

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 6 - 2019

V/v: *Tranh chấp ly hôn và nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sầm A Tắc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cadá Thị Linh

2. Bà Pinăng Thị Nờ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đồng Mây Hồng Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BA, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BA tham gia phiên tòa:

Ông Thành Chê Trọng Triết - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện BA xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Kator Thị D, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn MH, xã PD, huyện BA, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lưu Văn H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Kator T, sinh năm 1986 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: thôn MH, xã PD, huyện BA, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án, chị Kator Thị D trình bày:

Chị và anh Kator T lấy nhau năm 2007 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PD năm 2008. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống tại thôn MH, xã PD, huyện BA. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không cùng chung quan điểm sống, không có sự chia sẻ, thông cảm cho nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 người con chung là: Kator U, sinh ngày 06/4/2007 và Kator K, sinh ngày 18/9/2008.

Chị D xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án, anh Kator T trình bày:

Anh và chị Kator Thị D lấy nhau vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PĐ năm 2008. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống tại nhà vợ ở thôn MH, xã PĐ, huyện BA. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn hay cãi vã nhau và đôi khi anh có đánh đập chị D.

Nay chị D làm đơn đến Tòa án nhân dân huyện BA xin được ly hôn với anh. Anh không đồng ý ly hôn vì anh T vẫn còn thương vợ con. Anh xin được đoàn tụ để về làm ăn, chăm sóc vợ con.

Về con chung: Anh và chị D có 02 người con chung là: Kator U, sinh ngày 06/4/2007 và Kator K, sinh ngày 18/9/2008. Trường hợp nếu phải ly hôn thì anh T đồng ý giao 02 cháu U và K cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu U và K, anh T đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng có một số tài sản chung và nợ chung nhưng không đáng kể nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Văn H- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận phát biểu: Ông H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Kator Thị D được ly hôn với anh Kator T.

- Về con chung: Giao các cháu Kator U, sinh ngày 06/4/2007 và Kator K, sinh ngày 18/9/2008 cho chị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 03/5/2019, anh T làm đơn xin được xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BA phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị Kator Thị D kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Bị đơn anh Kator T chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là có căn cứ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn và nuôi con, chị Kator Thị D và anh Kator T hiện đang làm ăn sinh sống tại thôn MH, xã PĐ, huyện BA nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BA theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị D và anh T cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Chị D và anh T lấy nhau năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện BA năm 2008. Nay chị D có yêu cầu ly hôn thì được giải quyết theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị D và anh T có 02 (Hai) người con chung là Kator U, sinh ngày 06/4/2007 và Kator K, sinh ngày 18/9/2008. Tại biên bản hòa giải ngày 03/5/2019, anh T đồng ý giao hai cháu U và K cho chị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung như ý kiến của chị D nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí: Chị Kator Thị D là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị D có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tòa án nhân dân huyện BA đã có thông báo miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngày 03/4/2019, chị Kator Thị D làm đơn đến Tòa án huyện BA yêu cầu giải quyết cho được ly hôn với anh Kator T nên áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS để thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 03/5/2019 anh Kator T làm đơn đến Tòa án xin được xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Kator Thị D và anh Kator T lấy nhau năm 2007 và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện BA. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không cùng chung quan điểm sống, không có sự chia sẻ, thông cảm cho nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị D làm đơn đến Tòa án xin giải quyết được ly hôn với anh T. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị D được ly hôn với anh T.

2.2. Về con chung: Chị D và anh T có 02 (Hai) người con chung là cháu Kator U, sinh ngày 06/4/2007 và Kator K, sinh ngày 18/9/2008. Tại biên bản hòa giải ngày 03/5/2019, anh T đồng ý giao hai cháu U và K cho chị D trực tiếp chăm

sóc và nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung như ý kiến của chị D nên không đề cập đến.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[3] Về án phí: Chị Kator Thị D là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị D có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tòa án nhân dân huyện BA đã có thông báo miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Kator Thị D được ly hôn với anh Kator T.

- Về con chung: Giao cháu Kator U, sinh ngày 06/4/2007 và Kator K, sinh ngày 18/9/2008 cho chị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc đi lại thăm nom chăm sóc con chung.

- Về án phí: Miễn toàn bộ khoản tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Kator Thị D.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện BA;
- Chi cục THADS huyện BA;
- Các đương sự;
- UBND xã PĐ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(Đã ký)

Sầm A Tắc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cadá Thị Lính

Pinăng Thị Nở

Sặ́m A Tặ́c

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cadá Thị Lĩnh Pinăng Thị Nở

Sặ́m A Tặ́c

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện BA;
- Chi cục THADS huyện BA;
- Các đương sự;
- UBND xã PĐ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Sầm A Tắc

